

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HÒA
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số:04/2025/DS-ST

Ngày: 12/5/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Xuân Quyền

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Hồ Văn Hào

2. Bà Vũ Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ dân sự thụ lý số 01/2025/TLST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2025, về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1952 (Có mặt)

Trú tại: Tổ C, khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị N, sinh năm: 1952 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ F, khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M thống nhất trình bày như sau:

Do có quen biết với nhau nên vào ngày 07/10/2007 bà Nguyễn Thị M đã cho bà Ngô Thị N vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Tiếp đến ngày 15 tháng 10 năm 2007 bà Nguyễn Thị M tiếp tục cho bà Ngô Thị N vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Tổng hai lần bà M cho bà N vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lúc vay bà M là người viết giấy còn bà N là người ký vào giấy, khi hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả cũng như lãi suất, mục đích bà N vay theo bà M là để bà N gửi cho anh P (Con trai bà N) vì lúc đó anh P đang làm ăn ở xa. Do lúc cho vay hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ nên ngày 27 tháng 12 năm 2024 bà M đã

gửi thông báo đồng thời lập vi bằng giao thông báo yêu cầu bà Ngô Thị N chậm nhất là ngày 08/01/2025 bà N phải trả tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi nhưng bà N không trả. Do đó bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị N phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 15/10/2007 với số tiền là 408.000.000đ (Bốn trăm linh tám triệu đồng) tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà M thay đổi yêu cầu tính lãi cụ thể bà M yêu cầu tính lãi từ ngày 09/01/2025 với mức lãi suất là 10%/năm. Do đó nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị N phải trả tiền nợ gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng). Tiền lãi suất được tính từ ngày 09/01/2025 (ngày hết hạn trả nợ) đến ngày 12 tháng 5 năm 2025 là 04 tháng 03 ngày = $200.000.000đ \times 04 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} \times 0,83\%/tháng = 6.805.999đ$ (Sáu triệu, tám trăm linh năm nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

Tổng tiền gốc và lãi yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Ngô Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Minh T đến ngày 12/5/2025 là 206.805.999đ (Hai trăm linh sáu triệu, tám trăm linh năm nghìn, chín trăm chín mươi đồng), trong đó tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi là 6.805.999đ (Sáu triệu, tám trăm linh năm nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bà Ngô Thị N đã từ chối nhận, không có mặt tại tòa án nên không thể hiện được ý kiến của bà N đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Ngô Thị N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi là 6.805.999đ (Sáu triệu, tám trăm linh năm nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

Về án phí: Bà Ngô Thị N là người trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí. Tuy nhiên bà N không có mặt tại Tòa án, không làm thủ tục đề nghị miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Ngô Thị N phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 15/01/2025, bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Ngô Thị N, trú tại tổ F, khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An thanh toán hợp đồng vay tài sản. Nền vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Ngô Thị N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về chủ thể:* Bà Nguyễn Thị M và bà Ngô Thị N là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó các bên đều có quyền ký kết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc giao dịch mà mình đã ký.

[2.2] *Về hình thức và nội dung của giấy vay tiền:* Bà Nguyễn Thị M cho bà Ngô Thị N vay hai lần với số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), mục đích vay để chuyển cho anh P, khi vay bà M là người viết giấy còn bà N là người ký ở bên vay. Trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận thời hạn trả cũng như lãi suất, do đó theo giấy vay tiền thì xác định là vay không kỳ hạn và không có lãi, ngày 27/12/2024 bà M đã thông báo cho bà N trả nợ chậm nhất là vào ngày 08/01/2025 tuy nhiên bà N vẫn không trả. Khi ký kết các bên đều có năng lực pháp luật dân sự, điều tự nguyện. Vì vậy hợp đồng giữa các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ.

[2.3] *Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán:* Theo nội dung giấy vay tiền mà bà M cung cấp cho Tòa án thì có thể hiện vào ngày 07/10/2007 (DL) bà N vay của bà M số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), ngày 15/10/2007 bà N tiếp tục vay của bà M số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Như vậy tổng số tiền mà bà N vay của bà M là 200.000.00đ (Hai trăm triệu đồng), mặc dù trong nội dung giấy vay tiền có thể hiện “Bà N lấy” tuy nhiên mục bên vay thể hiện người ký là N. Do vậy có đủ căn cứ xác định bà N đã vay của bà M tổng số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Do hợp đồng vay không kỳ hạn nên ngày 27/12/2024 bà M đã gửi thông báo yêu cầu bà N trả nợ số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm nhất là ngày 08/01/2025 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 469 - BLDS năm 2015. Trong quá trình giao thông báo đã được lập vi bằng, bà N đã nhận và đọc nội dung thông báo trước sự chứng kiến của thừa phát lại nhưng không có ý kiến gì. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo nhưng bà N đã từ chối nhận và cũng không có mặt tại Tòa án điều đó đã khẳng định bà N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Như vậy chứng tỏ rằng bà N hiển nhiên thừa nhận bà N còn nợ số tiền như bà M đã yêu cầu. Vì vậy nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Ngô Thị N phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị

M là phù quy định tại các Điều 471, 474 - BLDS năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] *Về yêu cầu lãi suất của nguyên đơn:* Căn cứ vào giấy vay tiền thể hiện hai bên không thỏa thuận về tiền lãi suất, vì vậy xác định hợp đồng vay là không kỳ hạn, không có lãi suất. Nên ngày 27/12/2024 bà M đã có thông báo yêu cầu bà N phải trả nợ số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi chậm nhất là ngày 08/01/2025 tuy nhiên bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thông báo. Trong quá trình giải quyết vụ án bà M rút một phần yêu cầu lãi suất, cụ thể bà M yêu cầu tính lãi suất từ ngày 09/01/2025 là ngày mà bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của BLDS năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó nay bà M yêu cầu bà N thanh toán tiền lãi suất từ ngày 09/01/2025 đến ngày 12/5/2025 với số tiền là 04 tháng 03 ngày = $200.000.000đ \times 04 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 6.805.999đ$ (Sáu triệu, tám trăm linh năm nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng) nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy buộc bà Ngô Thị N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho bà Nguyễn Thị M với tổng số tiền 206.805.999đ (Hai trăm linh sáu triệu, tám trăm linh năm nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng) trong đó nợ gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tiền nợ lãi tính từ ngày 09/01/2025 đến ngày 12/5/2025, với mức lãi suất là 10%/năm với số tiền 6.805.999đ (Sáu triệu, tám trăm linh năm nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466; 468; 469 của BLDS năm 2015

[4] *Án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST. Mặc dù bị đơn bà Ngô Thị N, sinh năm 1952 thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên bà N không có mặt tại tòa án, không có đơn xin miễn án phí, không cung cấp được tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không có căn cứ để xem xét. Vì vậy buộc bà Ngô Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466; 468; 469 của BLDS năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh

Buộc bị đơn bà Ngô Thị N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho bà Nguyễn Thị M với tổng số tiền là 206.805.999đ (Hai trăm linh sáu triệu, tám trăm linh năm nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng) trong đó nợ gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tiền nợ lãi là 6.805.999đ (Sáu triệu, tám trăm linh năm nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bà Ngô Thị N phải chịu 10.340.200đ (Mười triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, hai trăm đồng) án phí DSST.

Bà Ngô Thị M1 được miễn tiền tạm ứng án phí theo thông báo số 14/TB-TA ngày 15/01/2025 của TAND thị xã Thái Hòa

4. Nguyên đơn có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Lưu HSSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Quyền